

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2017

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh;

2. Bà Huỳnh Ánh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 01, khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ 01, khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Chị H, anh T đều vắng mặt và đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày: Vào năm 2001, do mai mối, anh chị quen biết nhau và hai người quyết định sống chung nhau, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong công việc làm ăn, nên thường xuyên cự cãi nhau, cảm thấy

mục đích hôn nhân không đạt, kéo dài sẽ đau khổ cho cả hai, nên chị H yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/02/2002 và Nguyễn Thị Phụng N, sinh ngày 20/6/2003. Hiện tại N và K đang sống chung với ông T. Chị H yêu cầu được nuôi dạy cháu N. Chấp nhận giao K cho T nuôi dạy, hai bên khỏi cấp dưỡng qua lại nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị H và ông T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như chị H trình bày, vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã, nhưng không đến mức trầm trọng. Tuy nhiên do H cương quyết xin ly hôn và vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung, thống nhất theo ý kiến chị H vợ chồng có 02 con chung. Anh nuôi dạy K còn H nuôi dạy N, hai bên khỏi cấp dưỡng qua lại nuôi dạy con chung.

Về tài sản và nợ chung: Thống nhất với H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, áp dụng điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Xét sự thỏa thuận của các đương sự có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên đề nghị áp dụng điều 81 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T. Đồng thời, anh T cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã cung cấp lời khai và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Chị H yêu cầu ly hôn anh T. Chị H và anh T cùng thống nhất chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị H, anh T có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký theo quy định, do đó xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T.

Về con chung, chị H, anh T thỏa thuận anh T được quyền nuôi dạy Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/02/2002; chị H được quyền nuôi dạy Nguyễn Thị Phụng N, sinh ngày 20/6/2003 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên khối cấp dưỡng qua lại nuôi con chung. Xét sự thỏa thuận giữa chị H và anh T về người trực tiếp nuôi dạy con chung là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi dạy con chung.

Chị H và anh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không công nhận chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Anh T được quyền nuôi dạy Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/02/2002; chị H được quyền nuôi dạy Nguyễn Thị Phụng N, sinh ngày 20/6/2003 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên khởi cấp dưỡng qua lại nuôi con chung.

Bà H và ông T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2015/0007415 ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc

